TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2024
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Tới**

2. Ông **Hồ Quang Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1992.

2. Bị đơn: Chị **Lộc Thị V**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H** trình bày:

Về hôn nhân:

Anh và chị V chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Trong cuộc sống do bất đồng ý kiến, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống không còn hạnh phúc nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với chị V.

Về con chung:

Vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/3/2012 (giới tính: Nam), hiện cháu đang sống chung với anh.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu, đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà H1 yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt theo quy định.

- Đối với bị đơn: Chị **Lộc Thị V:**

Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 08/4/2024 đối với cháu T, thì cháu có nguyện vọng được sống chung với anh H.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến như tại đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cần xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên, là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật:

Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", đồng thời các đương sự đều có nơi cư trú ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung**:

- Về hôn nhân:

Anh H và chị V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, nên hôn nhân được xem là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, giữa anh H và chị V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc đến nhau, nên anh H mới nộp đơn ly hôn với chị V. Đối với chị V vắng mặt, không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản hồi gì trước yêu cầu ly hôn của anh H theo quy định tại khoản 2 Điều

91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cho thấy, bị đơn đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với nguyên đơn và nay anh H kiên quyết ly hôn với chị V.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Xét, mâu thuẫn giữa anh H và chị V đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung:

Anh H và chị V có 01 người con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/3/2012 (giới tính: Nam), hiện cháu đang sống chung với anh H.

Khi ly hôn, anh H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T, đến tuổi trưởng thành, đối với chị V vắng mặt, nên không có cơ sở xem xét.

Đối với cháu T, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/5/2024, là trên 07 tuổi, dưới 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 08/4/2024 đối với cháu T, thì cháu có nguyện vọng được sống chung với anh H.

Do đó, Hội đồng xét xử xét vì lợi ích của con chung, tôn trọng nguyện vọng của cháu T, cũng như theo yêu cầu khởi kiện của anh H, nên cần giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Anh H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**:

Anh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 19, 51, 56, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Lộc Thị V.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/3/2012 (giới tính: N) cho anh Nguyễn Văn H được quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng mà anh H dự nộp tại biên lai 4507 ngày 20/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang